

## Series EQPU

**Bánh xe tải nặng (Keo dày)**

**Bề mặt cong lớn/phẳng**

**Bọc QPU + Lõi sắt/gang**

|                                                                                     |                             |                                                                    |                |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------|
|  | <b>Phạm vi nhiệt độ</b>     | <div><div></div><div></div><div></div><div></div><div></div></div> | -30°C to +70°C |
|  | <b>Độ di chuyển mượt mà</b> | <div><div></div><div></div><div></div><div></div><div></div></div> | Tuyệt vời      |
|  | <b>Âm lượng</b>             | <div><div></div><div></div><div></div><div></div><div></div></div> | Rất Tốt        |
|  | <b>Bảo vệ mặt sàn</b>       | <div><div></div><div></div><div></div><div></div><div></div></div> | Tốt            |



### Mặt bánh

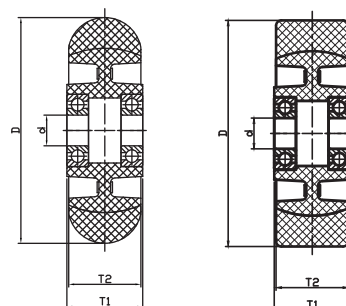
QPU là vật liệu PU có tính đàn hồi tốt, bánh xe sử dụng vật liệu này không chỉ giúp giảm lực cản lăn mà còn nâng cao khả năng thao tác máy móc. QPU có ba độ cứng khác nhau, bao gồm 75 độ, 85 độ và 90 độ, cả 3 đều có độ đàn hồi cao. Bánh xe QPU của Dersheng có tính năng chịu nước tốt, thích hợp sử dụng ở vùng nhiệt đới và ở môi trường làm việc ẩm ướt.

### Lõi bánh xe

Lõi sắt/gang

### Đặc điểm

- Kháng hóa chất, dung môi và ăn mòn
- Chịu mài mòn
- Kháng vi sinh vật
- Chống đâm thủng
- Lực cản lăn thấp
- Nhiệt độ môi trường thích hợp: -30°C~+70°C
- Sử dụng trong điều kiện thông thường, không cần bảo trì





**Độ cứng: 90°Shore A (PANTONE 1605C)**

| Mã sản phẩm    | Đường kính bánh xe (D) [mm] | Bề rộng bánh xe (T2) [mm] | Tải trọng [kg(lbs)] | Đường kính trục của ổ lăn Ø(d) [mm] | Độ dài trục bánh (T1) [mm] | Mặt bánh     | Ổ lăn          |
|----------------|-----------------------------|---------------------------|---------------------|-------------------------------------|----------------------------|--------------|----------------|
| 12035505156171 | 125                         | 40                        | 550kgs (1213lbs)    | 17                                  | 42                         | Bề mặt cong  | Ổ bi chính xác |
| 12035505206171 | 125                         | 50                        | 600kgs (1323lbs)    | 13                                  | 62                         |              |                |
| 12035506186171 | 150                         | 42                        | 650kgs (1433lbs)    | 17                                  | 42                         |              |                |
| 12035506206171 | 150                         | 50                        | 700kgs (1543lbs)    | 13                                  | 62                         |              |                |
| 12035508206571 | 200                         | 50                        | 800kgs (1764lbs)    | 13                                  | 62                         |              |                |
| 12035508206171 | 200                         | 50                        | 800kgs (1764lbs)    | 20                                  | 50                         |              |                |
| 12035508206971 | 200                         | 50                        | 800kgs (1764lbs)    | 25                                  | 50                         |              |                |
| 12035505156371 | 125                         | 40                        | 600kgs (1323lbs)    | 17                                  | 42                         | Bề mặt phẳng |                |
| 12035506186371 | 150                         | 42                        | 700kgs (1543lbs)    | 17                                  | 42                         |              |                |
| 12035508206371 | 200                         | 50                        | 850kgs (1874lbs)    | 20                                  | 50                         |              |                |
| 12035508209371 | 200                         | 50                        | 850kgs (1874lbs)    | 25                                  | 50                         |              |                |



**Độ cứng: 85°Shore A (PANTONE 2747C)**

| Mã sản phẩm    | Đường kính bánh xe (D) [mm] | Bề rộng bánh xe (T2) [mm] | Tải trọng [kg(lbs)] | Đường kính trục của ổ lăn Ø(d) [mm] | Độ dài trục bánh (T1) [mm] | Mặt bánh     | Ổ lăn          |
|----------------|-----------------------------|---------------------------|---------------------|-------------------------------------|----------------------------|--------------|----------------|
| 12035505156271 | 125                         | 40                        | 440kgs (970lbs)     | 17                                  | 42                         | Bề mặt cong  | Ổ bi chính xác |
| 12035505206271 | 125                         | 50                        | 480kgs (1058lbs)    | 13                                  | 62                         |              |                |
| 12035506186271 | 150                         | 42                        | 520kgs (1146lbs)    | 17                                  | 42                         |              |                |
| 12035506206271 | 150                         | 50                        | 560kgs (1235lbs)    | 13                                  | 62                         |              |                |
| 12035508206671 | 200                         | 50                        | 640kgs (1411lbs)    | 13                                  | 62                         |              |                |
| 12035508206271 | 200                         | 50                        | 640kgs (1411lbs)    | 20                                  | 50                         |              |                |
| 12035508209171 | 200                         | 50                        | 640kgs (1411lbs)    | 25                                  | 50                         | Bề mặt phẳng |                |
| 12035505156571 | 125                         | 40                        | 460kgs (1014lbs)    | 17                                  | 42                         |              |                |
| 12035506186571 | 150                         | 42                        | 540kgs (1190lbs)    | 17                                  | 42                         |              |                |
| 12035508209571 | 200                         | 50                        | 650kgs (1433lbs)    | 20                                  | 50                         |              |                |
| 12035508209671 | 200                         | 50                        | 650kgs (1433lbs)    | 25                                  | 50                         |              |                |



**Độ cứng: 75°Shore A (PANTONE 425C)**

| Mã sản phẩm    | Đường kính bánh xe (D) [mm] | Bề rộng bánh xe (T2) [mm] | Tải trọng [kg(lbs)] | Đường kính trục của ổ lăn Ø(d) [mm] | Độ dài trục bánh (T1) [mm] | Mặt bánh     | Ổ lăn          |  |
|----------------|-----------------------------|---------------------------|---------------------|-------------------------------------|----------------------------|--------------|----------------|--|
| 12035505156471 | 125                         | 40                        | 385kgs (848lbs)     | 17                                  | 42                         | Bề mặt cong  | Ổ bi chính xác |  |
| 12035505206471 | 125                         | 50                        | 420kgs (925lbs)     | 13                                  | 62                         |              |                |  |
| 12035506186471 | 150                         | 42                        | 455kgs (1003lbs)    | 17                                  | 42                         |              |                |  |
| 12035506206471 | 150                         | 50                        | 480kgs (1080lbs)    | 13                                  | 62                         |              |                |  |
| 12035508206871 | 200                         | 50                        | 560kgs (1235lbs)    | 13                                  | 62                         |              |                |  |
| 12035508206471 | 200                         | 50                        | 560kgs (1235lbs)    | 20                                  | 50                         |              |                |  |
| 12035508209271 | 200                         | 50                        | 560kgs (1235lbs)    | 25                                  | 50                         |              |                |  |
| 12035505156671 | 125                         | 40                        | 400kgs (881lbs)     | 17                                  | 42                         | Bề mặt phẳng |                |  |
| 12035506186671 | 150                         | 42                        | 460kgs (1014lbs)    | 17                                  | 42                         |              |                |  |
| 12035508209871 | 200                         | 50                        | 560kgs (1235lbs)    | 20                                  | 50                         |              |                |  |
| 12035508209971 | 200                         | 50                        | 560kgs (1235lbs)    | 25                                  | 50                         |              |                |  |